



TỔ CHỨC KHÔNG GIAN GIA ĐÌNH, LÀNG BẢN VÀ BIẾN ĐỔI CỦA NÓ Ở ĐÔNG BẮC THÁI LAN (*)

BERNARD FORMOSO

I. GIỚI THIỆU HAI ĐIỂM NGHIÊN CỨU: BẢN AMPHAWAN VÀ BẢN HAN

Trước hết, cần phải nói rằng đây không phải là nghiên cứu đầu tiên về nhà cửa của người Lào ở hai bờ sông Mekong. Trước chúng tôi, hai nhà kiến trúc sư - dân tộc học S. Charpentier và P. Clément đã từng mở rộng phạm vi nghiên cứu của mình từ Vientiane và Louang Prabang đến cả một vùng rộng lớn, thuộc khu vực các dân tộc nói ngôn ngữ Thái cư trú. Gần đây nhất, người ta biết đến nghiên cứu của S. Tulyasukh (1982) - sinh viên trường Đại học kiến trúc Chulalongkorn (Thái Lan) - về việc định vị các bản người Lào thuộc lưu vực sông Chi và điều kiện cư trú của cư dân trong vùng.

Ngược lại với các nghiên cứu mở rộng trên, nghiên cứu của chúng tôi chỉ giới hạn trong khung cảnh địa lý của hai bản. Nghiên cứu này không dựa trên những mẫu hình nhà cửa đã được nghiên cứu mang tính tiêu biểu mà chủ yếu lại dựa vào việc phân tích toàn bộ những ngôi nhà ở thực địa. Tại đây, vừa mô tả chi tiết từng ngôi nhà qua biểu đồ (mặt bằng nhà, hình dáng bên ngoài), chúng tôi lại vừa chú ý đến các đặc điểm kiến trúc của chúng. Chúng tôi cũng lưu ý đến lịch sử, giá cả của các ngôi nhà cũng như vị trí chỗ ngủ của các cá nhân sống trong ngôi nhà đó. Những tư liệu thống kê thực hiện một cách có hệ thống đã cho phép chúng tôi xác định được nguồn gốc, bản chất và những tác động của sự thay đổi kiến trúc của ngôi nhà. Từ

đó, chúng tôi có thể đánh giá những điều kiện cư trú của cư dân địa phương theo một cách nhìn có tính chất *động*.

Xuất phát từ việc phân loại các ngôi nhà, chúng tôi muốn so sánh sự tiến triển các loại hình nhà cửa với sự tồn tại lâu dài, thường xuyên của hệ quy chiếu cũng như tổ chức mang tính thứ bậc mà các ngôi nhà truyền thống hay hiện đại thể hiện. Hơn nữa, các mô hình kiến trúc về nhà cửa ấy không chỉ thể hiện không gian gia đình mà nó còn xác định không gian làng bản. Từ đó, các mô hình có thể tham dự vào hệ thống các biểu tượng thể hiện bản sắc xã hội của cư dân địa phương.

* *

*

Bản Amphawan và bản Han thuộc tỉnh Khon Kaen (Đông Bắc Thái Lan). Giống như tất cả các nơi khác trong vùng, hai cộng đồng làng bản này thuộc về những người Lào - tự xưng là Thái Isan, hay đơn giản hơn là Isan. Hai bản cách xa nhau 86 km đường trải nhựa và 10 km đường mòn. Bản này phân biệt với bản kia bởi một số đặc điểm sinh thái và bởi khoảng cách từ bản đến thành phố Khon Kaen - thủ phủ tỉnh, đồng thời là trung tâm cả vùng Đông - Bắc.

Trong hai bản ấy, Amphawan hội nhập vào nền kinh tế thị trường nhanh hơn. Do vị trí nằm ở khu ngoại vi thành phố (cách Khon Kaen 12 km), nằm trong phạm vi được tưới

tiêu nước của công trình Nongwai, quy hoạch của bản Amphawan nhìn chung đã biến đổi sâu sắc. Người dân nơi đây đẩy mạnh sản xuất lúa nước và trồng rau.

Bản Han ở xa thành phố hơn (cách Khon Kaen 80 km), ít chịu ảnh hưởng từ phía nhà nước, ngược lại, lại chịu tác động về quy luật cung - cầu của một chợ địa phương - nằm cách bản 6 km. Về mặt sinh thái, so với bản kia, bản Han có nhiều nét điển hình của phân lớn các bản làng ở khu vực Đông - Bắc (Thái Lan) hơn. Quả vậy, những cánh đồng trồng lúa ở bản Han kém màu mỡ hơn ở bản Amphawan. Thu hoạch của chúng phụ thuộc rất nhiều vào chế độ mưa thất thường của địa phương. Để khắc phục điều kiện đó, người dân trong bản đã tăng cường sản xuất bằng cách nuôi trâu và trồng các cây chịu được khô hạn ở trên cao như sắn, mía...

Được thành lập cách nhau 10 năm (bản Amphawan: 1918, bản Han: 1907), dân số của hai bản là 773 người và 117 hộ; 1.119 người và 214 hộ. Tình trạng dân số ở Amphawan thấp hơn nhiều so với bản Han có nguyên do ở những đợt lũ do sông Phong gây nên từ trước khi xây dựng công trình Nong Wai: Những tổn hại lớn về mùa màng đã thúc đẩy việc di chuyển của cư dân trong bản đi nơi khác.

Ở Amphawan, với quy mô nhỏ hơn về dân số, kết hợp thêm uy tín và quyền lực của những người đứng đầu đã tạo ra sự liên kết xã hội trong cộng đồng.

Ngược lại, ở bản Han, quy mô dân số lớn đã làm hạn chế sự hợp tác và đoàn kết thống nhất của dân bản. Hơn nữa, sự kiện vi phạm lời nguyện của một nhà sư địa phương đã kéo theo việc phân chia cộng đồng thành hai bên đối lập nhau: Một bên

ủng hộ phái chính thống của đạo Phật, một bên ủng hộ nhà sư mới thành lập tu viện riêng.

Ở Đông - Bắc Thái Lan, theo truyền thống, con cái sau khi đã được phân chia nhà, sẽ sống cùng một khuôn viên với cha mẹ. Tuy vậy, đó chỉ là một xu hướng. Ở bản Amphawan có 20% số hộ có cha mẹ ở trong cùng một "khum" (mảnh đất) - so với 12% ở bản Han. Ở bản Han có 55% số hộ có quan hệ gia đình ở ít nhất là 3 "khum"; còn tại bản Amphawan, tỷ lệ đó là 31%. Vậy là ở hai cộng đồng này, cộng đồng nào có quy mô dân số lớn chính là cộng đồng có quan hệ họ hàng kém tập trung trong một không gian.

II. CÁC LOẠI HÌNH NHÀ CỬA VÀ SỰ TIẾN TRIỂN CỦA CHÚNG

1. Phân loại các ngôi nhà

Đầu tiên, dân bản ở đây phân loại nhà cửa theo độ tuổi của ngôi nhà và vật liệu dùng để xây ngôi nhà đó. Tiếp đó, người ta phân chúng theo 3 tiêu chuẩn chính về hình thái như số lượng, hình dạng các bộ phận của mái, nhà có tầng dưới hay không, và cuối cùng là số lượng tầng nhà⁽¹⁾.

Những ngôi nhà tạm (*hy:an tup*) - về mặt ngữ nghĩa, có nghĩa là "nhà lều", được phân biệt với các công trình xây dựng khác bởi quy mô nhỏ bé cũng như chất lượng và giá cả vật liệu xây dựng thấp. Trước kia chúng thường dành cho các cặp vợ chồng trẻ. Vật liệu xây dựng cho nhà tạm là cỏ tranh, rơm rạ, gỗ tre, đều lấy quanh nơi cư trú.

1. Sự phân loại này bao gồm cả bếp nếu như bếp có mái kê sát với mái của nhà chính; nếu không, bếp nhà không được dân bản tính đến trong việc xác định các loại hình nhà cửa.

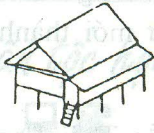
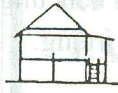


fig. 1a



H1a- Nhà có mái hiên bên

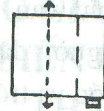


fig. 1b



H1b- Mái hiên đầu hồi



FIG. 1 H1- Nhà có mái hiên (by:an rabieng)

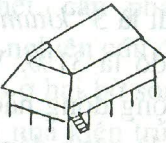
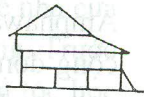


FIG. 2



H2- Mái hiên bao quanh (by:an rabieng rO:p)

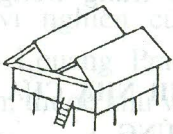
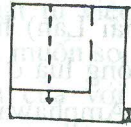


fig. 3a



H3a- Nhà đôi đơn

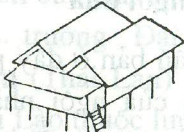
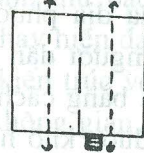
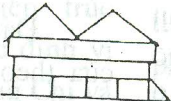


fig. 3b



H3b- Nhà đôi có mái hiên đầu hồi

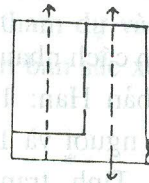


FIG. 3 H3- Nhà đôi (by:an fi:)



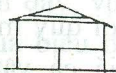
FIG. 4



H4- Nhà đơn (by:an plia:w)



H5- Nhà hai tầng



(by:an sO:ng san)

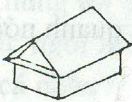
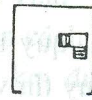


FIG. 6 H6- Nhà dất



(by:an din)



Không gian sinh hoạt chỉ gồm một gian nhỏ bé duy nhất, có một mái hiên chìa ra ở góc bếp. Loại nhà này hiện nay chỉ còn sót lại không đáng kể về số lượng.

Liên quan đến các tiêu chí về hình thái kiến trúc, số lượng và hình dạng các bộ phận trên mái chính là yếu tố mang tính quy chiếu duy nhất của ngôi nhà khi phân không gian chỉ giới hạn trong một tầng theo kiểu nhà sàn.

Với tham số này, những ngôi nhà có hai mái dốc, với kiến trúc đơn giản nhất được gọi là nhà đơn *hy:an plia:w* (xem Hình 4). Khi người ta lợp thêm mái hiên song song hay thẳng đứng với đường nóc, những ngôi nhà này được gọi là *hy:an rabieng* (Hình 1). Nếu mái hiên ở bên cạnh, người ta gọi là *hy:an rabieng rop* (“nhà có *ra bieng* ở xung quanh”). Khi nhà có hai mái đơn song song nhau, người ta gọi đó là *hy:an fE:t* (“nhà đôi”) hay *hy:an fE:t rabieng phr O:m* (“nhà đôi có *rabieng*”) - nếu hai mái nhà này được thêm một hiên ở đầu hồi (Hình 3).

Lưu ý rằng cần phải phân biệt giữa nghĩa chính xác của từ *rabieng* và kiểu kiến trúc mà nó xác định. Thực ra, nếu kiểu kiến trúc này được xác định bởi tình trạng gần nhau của 2 mái đơn với 1 hay nhiều mái đơn khác thì thuật ngữ *rabieng* được gọi là mái hiên có nghĩa là một chái nhà dựa vào phần nhà chính (dù ở vị trí của mái hiên này có ở bên cạnh hay mặt trước của ngôi nhà (Hình 2) hay dù mái hiên ấy có dạng nghiêng về một phía hay hai phía). Không gian được mái hiên ấy tạo ra có hai chức năng:

a) Nơi tiếp khách và nơi nghỉ ngơi.

b) Chức năng phục vụ.

Trong trường hợp đầu, người ta gọi đó là “mái hiên đón khách” - *rabieng rap kh.E:*

k. Ở trường hợp sau, người ta gọi đó là *rabieng khrwa* - “mái hiên bếp”. Nếu thuật ngữ *rabieng* mở rộng nghĩa để chỉ một loại nhà có mái hiên là mái đơn, thì không nghi ngờ gì nữa, ở vùng Đông Bắc, kiểu mái này là yếu tố kiến trúc đặc trưng nhất của không gian dành cho nghỉ ngơi, đón khách và chuẩn bị bữa ăn.

Từ 15 năm trở lại đây, các hình thái kiến trúc của nhà cửa ở vùng này đã phong phú lên về hình loại với sự xuất hiện ở các bản làng những công trình xây dựng nhà cửa theo kiểu “bán thành thị”. Trong các loại hình mới này cần phải thêm vào những “ngôi nhà đơn”. Nói chung, chúng được dân bản gọi là *hya:n sapha: p mai* (nhà dựng theo điều kiện mới), đối lập với “nhà có mái hiên” và “nhà đôi”. Tiêu chuẩn để xác định đặc điểm của những ngôi nhà này, một mặt, dựa vào tầm cao của mặt bằng nhà (trên mặt đất hay mặt sàn); mặt khác dựa vào số lượng tầng nhà (một hay hai tầng).

Ngôi nhà có mặt sớm nhất thuộc loại hình mới này có hai mái nghiêng. Về mặt này, nó có nhiều nét giống “những nhà đơn”. Người ta phân biệt chúng với các ngôi nhà đơn ở chỗ: khoảng không gian do các cột sàn tạo ra được người ta sắp xếp làm chỗ ở. Từ đó, ngôi nhà mới này được gọi là *hy:an so:ng san* (nhà 2 tầng) (xem Hình 5). Ở đây, mặt đất được đổ bê tông; tường bao được xây bằng gạch, nằm giữa các hàng cột, ngăn cách không gian nhà với bên ngoài. Một cầu thang nhỏ cho phép người ta đi lên tầng trên. Cửa chính nằm ở tầng sát đất, chiếm cả một phía của nhà và thường được khép lại nhờ tấm lưới kim loại hoặc gỗ lát mỏng (với những nhà ít có điều kiện tài chính). Người ta có thể thêm vào phần phụ cho ngôi nhà này - gian bếp. Phần phụ đó cũng được gọi là

rabieng. Nhìn chung, phần phụ đó thường nằm ở tầng sát đất. Chính dựa vào số lượng các tầng nhà mà người ta phân biệt loại hình này với loại hình “nhà đất” (*hy:an din*).

Nhà đất có mặt bằng sinh hoạt cao ngang với mặt đất nơi cư trú, nói chung, được xây bằng gạch (hiếm khi bằng gỗ), mái nhà có thể gồm hai mái, có thể là mái đơn (xem Hình 6). Loại nhà hai mái thường phổ biến hơn. Nhà kiểu này có thể thêm phần phụ: mái hiên và đặc biệt là bếp.

2. Sự tiến triển của các loại hình kiến trúc

Nếu người ta phân loại các loại hình kiến trúc trên không phải theo hình thái mà theo thời gian của ngôi nhà đã được xây dựng, thì có thể lưu ý trước tiên ở nhịp độ xây dựng khá cao ở bản Amphawan (30% ngôi nhà có độ tuổi xây dựng dưới 5 năm - khoảng 1/3). Tại bản Han, con số đó là 32%. Nếu dựa vào các con số thống kê, thấy có 51% gia đình ở Amphawan và 62% gia đình ở bản Han đổi nhà mới từ 15 năm trở lại đây, đúng vào thời điểm mà đoàn nghiên cứu đầu tiên của trường đại học Khoa học xã hội Chulalongkorn tiến hành công việc ở hai bản này.

Ở cả hai bản, kiểu nhà “có mái hiên” chiếm vị trí chủ đạo (34% nhà ở bản Amphawan và 40% ở bản Han). Người ta có xu hướng thích những ngôi nhà “có mái hiên bao quanh”. Loại nhà này khác nhà “có mái hiên” ở chỗ nó có nhiều gian phụ nằm ở xung quanh nhà chính. Vào năm 1985, cả hai kiểu nhà này chiếm 55% nhà của bản Amphawan và 64% ở bản Han. Vậy là, nó vẫn giữ vị trí chủ đạo ở đây. Tuy nhiên, từ 10 năm nay - ở bản Amphawan, và 5 năm - ở bản Han, dân địa phương thường hướng tới những dạng kiến trúc mới. Quả nhiên, những

ngôi nhà mới dựng lên ở những thời điểm này thường là “nhà hai tầng” hay “nhà đơn”.

Đầu tiên, người ta có thể giả định rằng những “ngôi nhà đơn” - được đặc trưng bởi hai mái dốc - với việc thêm vào một hay nhiều mái kê nhau, có xu hướng tiến triển thành “những ngôi nhà có hiên” và “nhà có hiên bao quanh”. Tuy nhiên, phần lớn những ngôi nhà đơn này đều đã được xây dựng từ hơn 10 năm. Với sự tăng lên về số lượng đáng lưu ý trong 5 năm gần đây, nhiều ngôi nhà thay đổi, chuyển sang loại hình khác. Vậy là những ngôi nhà đơn này xuất hiện sau những “ngôi nhà có mái hiên”. Và lại, khi xây dựng những ngôi nhà đơn ấy, người ta thường xếp chúng vào những ngôi nhà mới. Việc xây dựng những ngôi nhà này chính là giai đoạn đầu tiên để người ta xây tầng hai khi chưa đủ tiền.

Giá một ngôi nhà đơn (1985) là 30.000 - 50.000 bạc (tuỳ theo diện tích sử dụng và chất liệu xây dựng). Trong khi đó muốn hoàn thành ngôi nhà hai tầng, tối thiểu phải có 70.000 bạc. Giá cả để đổi từ kiểu nhà nọ sang kiểu nhà kia khá lớn. Vì thế nhiều gia đình đã bị vênh giữa dự kiến kiến trúc và khả năng tài chính. Về mặt này, so với bản Amphawan, bản Han có mức thu nhập không cao. Điều ấy có thể chứng minh ở tỷ lệ 24% nhà cửa là “nhà đơn”, còn so với Amphawan, tỷ lệ này là 15%. Ngược lại, tỷ lệ nhà 2 tầng ở bản Han là 7,5% (trong khi đó bản Amphawan là 20%). Cũng vậy, tỷ lệ “nhà đơn” có bếp xây bằng vật liệu cứng ở tầng sát đất của bản Amphawan cao hơn bản Han (65% so với 35%).

Vậy là, sự chênh lệch giữa dự án kiến trúc và khả năng đầu tư đã làm nảy sinh một loại hình trung gian, một sự cải biến giữa loại hình nhà cũ và mới. Giống như các loại hình truyền thống (nhà có hiên, nhà bếp)

những “ngôi nhà đơn” - loại hình trung gian có mặt bằng nhà được dựa trên các cột sàn, cũng có không gian nghỉ ngơi và cho khách lưu lại. Từ việc quy hoạch không gian được tạo ra giữa các cột sàn đó cũng như việc xây thêm phần bếp ở tầng sát đất mà những ngôi nhà trên tiến triển dần thành kiểu nhà mới, bằng cách di chuyển một số bộ phận chức năng xuống khoảng không gian ở phía dưới.

Việc xây dựng kiểu nhà này tuân theo một trật tự: sắp xếp phân ở cao, rồi sau đó sắp xếp phân ở thấp. Nếu làm ngược lại, có được không? Một ngôi nhà kiểu “nhà đất” bằng cách xây nối tiếp, có thể phát triển thành một ngôi nhà hai tầng hay không? Dân làng khẳng định rằng không thể được. Một người trong số họ trả lời như sau về câu hỏi đó: “Cái đầu dẫn dắt những cái chân chứ không thể ngược lại”. Ở đây, cái đầu là phía “trên” của nhà, phần được cột sàn nâng đỡ, phần dưới là phần nằm giữa những cái cột. Đây chính là một trong những nguyên tắc theo kiểu thứ bậc được áp dụng trong nhiều khía cạnh tổ chức xã hội của cộng đồng, như chúng ta sẽ thấy sau đây.

Vậy thì không thể chuyển từ loại nhà đất thành loại hình nhà khác, cũ hoặc mới mà không phá hủy nhà cũ đi. Thực tế, kiểu nhà đất này mới chỉ xuất hiện trong các bản này cách đây 5 năm và đến nay, vẫn ít được phổ biến. Ở bản Amphawan (7%) và bản Han (3,5%), trước tiên chúng được các hộ gia đình trẻ⁽¹⁾ sử dụng vì lý do kinh tế. Thay thế cho kiểu nhà tạm ngày xưa, nhà đất chỉ cần dưới 30.000 бат để xây dựng, hợp với địa vị xã hội chưa cao của các hộ trẻ. Chưa được hợp pháp hoá về uy tín bởi các

ngày lễ thường xuyên tốn kém, các hộ gia đình trẻ này tự thoả mãn với một chỗ mà ở đó không gian chung chỉ có quy mô rất khiêm tốn. Những người trẻ tuổi chờ đợi khi có điều kiện, địa vị và khả năng tài chính của gia đình mình thay đổi, họ sẽ xây dựng một ngôi nhà mới.

Người ta đã chỉ ra rằng “những ngôi nhà đơn” là sự biến đổi giữa loại hình mới - “nhà hai tầng” - và loại hình nhà chủ yếu ở địa phương - “nhà có mái hiên bao quanh”. Nhưng loại hình “nhà có mái hiên” này, bản thân nó có phải có gốc gác từ một loại hình khác cổ hơn không? Một số chủ nhà kiểu này chỉ ra rằng ngôi nhà trước kia của họ thuộc kiểu “nhà đôi” có hoặc không có mái hiên. Tuy nhiên, đó không phải là trường hợp cho tất cả loại hình này. Người ta biết có nhiều “ngôi nhà có mái hiên” đã được thay thế bằng một ngôi nhà khác cùng loại. Hiện tại, những ngôi nhà đơn có mặt rất ít (bản Amphawan có 3 nhà, bản Han có 2). Theo đánh giá của chúng tôi, dựa vào nhân chứng ở các bản, những ngôi nhà này cách đây 30 năm đã chiếm tỷ lệ 30% - 40% nhà cửa ở địa phương. Chính với sơ đồ một ngôi nhà loại hình này mà S.J.Tambiah (1970, tr. 20) đã mô tả khi nghiên cứu nhà cửa ở một làng của tỉnh Udorn Thani (1961- 1962). Vậy là ông ta đã gọi kiểu nhà này là “chính thống”, dù ông không đưa ra thống kê về các chỉ dẫn tình trạng nhà cửa ở làng này. Một nghiên cứu khác được thực hiện cuối những năm 1960⁽²⁾ về 85 mẫu nhà ở 4 bản “nông thôn truyền thống” ở đồng bằng Vientian, ở Lào (có nghĩa là những cư dân có sắc thái văn hoá gần với các cư dân ở vùng Đông Bắc Thái Lan) đã cho chúng ta một hình dung về

1. Một số người già mĩa mai gọi những ngôi nhà này là *hy:an lu:k khy:j* (nhà của các con rể).

2. S. Charpentier và P. Clement (1975, tr. 122- 123). Nghiên cứu thống kê đã được thực hiện bắt đầu từ những bảng kê của Christian Taillard.

những “ngôi nhà đôi” so với các nhà đơn có mái hiên (41/ 32 nhà có mái hiên).

Giữa hai kiểu nhà này, chắc chắn không cần tìm kiếm quy tắc của sự tiến hoá đã tạo cho loại hình này có gốc từ loại hình kia. Thực ra, những quan sát từ thế kỷ XIX⁽¹⁾ liên quan đến Lào đã chỉ ra rằng hai loại hình này đã tồn tại song song từ thời xa xưa. Theo F. Garnier, những “ngôi nhà đôi” lúc ấy là thuộc quyền của những nhà giàu, quan lại. Trong khi những ngôi nhà chỉ có một mái được nối dài thêm ở dưới thành một hiên nhỏ là đặc trưng của kiến trúc các nhà nghèo⁽²⁾. Vì các chứng cứ chỉ nêu lên rằng hai kiểu nhà này tượng trưng cho sự khác nhau về địa vị xã hội và kinh tế nên người ta có thể giả thiết rằng ở hai bản nghiên cứu của chúng tôi, trong số những gia đình khá giả, xưa kia có một tỷ lệ lớn các gia đình có những ngôi nhà đôi mà việc xây dựng các ngôi nhà ấy đòi hỏi vật liệu, thời gian và nhân công nhiều hơn các kiểu nhà khác. Xu hướng ấy có thể so sánh với xu hướng quan sát được hiện nay: lúc đầu, các nhà hai tầng được những quan chức địa phương, những nhà buôn sử dụng, sau đó là những người ăn lương và một số những nông dân giàu có. Phần lớn các gia đình có mức thu nhập khiêm tốn đều mơ tưởng loại hình nhà này. Họ chỉ có được vốn để đầu tư vào dạng nhà trung gian.

Với hiện tượng biến mất hầu như hoàn toàn của các “kiểu nhà đôi”, các chủ nhà giải thích bằng sự khan hiếm gỗ- hậu quả của nạn chặt phá rừng và sự tăng giá vật liệu xây dựng cơ bản do nhà nước chỉ đạo. Kết hợp

hai yếu tố bất lợi này, một số gia đình đã phải cắt bỏ đi một trong hai phần của ngôi nhà đôi. Gỗ làm nhà dỡ ra được dành để giúp đỡ bà con họ hàng làm nhà (đặc biệt là cho các con lập gia đình riêng). Ví dụ này là bằng chứng cho mối liên hệ nhân quả giữa hình thái kiến trúc, vật liệu và cách thức xây dựng nhà cửa.

3. Các quy tắc sử dụng lại các vật liệu

Trong trường hợp sử dụng lại các vật liệu của một nhà (để dựng một ngôi nhà khác), khi tháo dỡ nhà, người ta đánh dấu vị trí các vật liệu được lắp đặt ở khung nhà cũ. Nếu được sử dụng lại để làm nhà mới, các vật liệu này có thể sẽ giữ nguyên vị trí tương ứng hoặc cao hơn trong ngôi nhà mới so với ngôi nhà cũ bị dỡ ra chứ không thể bị thấp hơn về địa vị trong tổng thể thứ bậc của ngôi nhà mới trong con mắt dân bản. Nếu xảy ra trường hợp để có việc “mất chức vị” của chúng, sẽ có những rủi ro cho gia chủ trong tương lai. Ví dụ: theo truyền thống, những chiếc cột thường (*sao thamada*) của ngôi nhà cũ có thể được lắp lại thành chiếc “cột đầu tiên” (*Sao he:k*) hay “cột ma” (*Sao khwan*) của ngôi nhà mới, chứ không thể ngược lại⁽³⁾.

Những mảnh gỗ ở ngôi nhà cũ để lát sàn nay có thể làm rui mè đỡ mái nhưng không thể làm ngược lại. Những mảnh gỗ xưa lát sàn ở phía vách dưới nay có thể đem lát lại ở phần trên của ngôi nhà nhưng không được ngược lại. Các vật liệu để làm kho thóc có thể đem dựng nhà nhưng vật liệu của một ngôi nhà không thể đem dựng kho thóc. Còn nữa, vật liệu xây dựng ngôi nhà cũ có thể

1. F.Garnier, 1873. *Du lịch thám hiểm ở Đông Dương trong những năm 1866- 67- 68*. Paris. Hachette, 2 tập, 1.100 trang (trang 330 – 331). Dẫn lại trong S. Charpentier và P. Clément, tr.25.

2. F. Garnier. Đã dẫn.

3. Khi sử dụng lại các cột cũ để làm nhà mới, người ta không đổi chiều của chúng; gốc cột phải được chôn xuống đất. Cũng vậy, khi sử dụng thân cây làm cột lán đầu, phải chôn phần gốc cây xuống đất.

dùng để xây dựng một *Kuthi* (nhà của các vị sư) nhưng không thể làm ngược lại.

Chúng tôi giả thiết rằng các nguyên tắc áp dụng cho việc sử dụng lại vật liệu của một ngôi nhà cũ gắn liền với quan niệm Phật giáo về sự hoá kiếp và vào lý tưởng liên quan đến quan niệm đó. Thực ra, niềm tin Phật giáo là dựa vào việc cải tạo số phận (*sokwa: sana*), trên con đường hoá thân, nhờ công đức (*bun*). Ngôi nhà được dân bản đồng hoá với một cơ thể có hồn (¹). Dường như là việc dựng lại ngôi nhà từ các vật liệu thuộc các phần khác nhau của ngôi nhà cũ được đồng hoá với việc hoá thân và địa vị của các vật liệu phải được nâng cao theo cách thức mà số phận của những người sống trong nhà không bị ảnh hưởng xấu.

Sự suy giảm của các nguồn tài nguyên và ảnh hưởng của những mô hình nhà cửa bên ngoài đã làm cho người dân ở đây phụ thuộc ngày càng chặt chẽ vào các trung tâm buôn bán - nơi họ mua vật liệu. Trong quá khứ, theo truyền thống, khi việc dựng một ngôi nhà mới đặt ra thì vấn đề nhân công được đặt lên hàng đầu. Hiện nay, việc huy động khả năng tài chính lại được coi là khâu quan trọng. Để có tiền, cần phải xoay xở. Việc tiền tệ hoá những trao đổi, đặc biệt là những trao đổi giúp đỡ trong làng - đã kéo theo sự suy giảm của các hình thức tương trợ.

Hậu quả của hiện tượng này - hiện tượng mất cân đối về kinh tế giữa những vợ

chồng trẻ và những hộ ổn định hay giữa những gia đình nghèo và những gia đình giàu hiện tại lại càng thể hiện rõ ràng hơn trước trong những hình thái kiến trúc nhà cửa. Chắc chắn, việc xếp hạng “nhà hai tầng”, “nhà đơn”, “nhà đất” hiện tại chỉ ra sự sung túc về vật chất và địa vị xã hội của các gia đình, thay cho cách xếp hạng truyền thống trước kia là “nhà đôi”, “nhà có mái hiên” và lều (nhà tạm) của các hộ trẻ. Tuy nhiên, những kiến trúc được ưa chuộng trong các bản địa phương, hiện tại, tương phản nhau nhiều hơn xưa. Mặt khác, sự đa dạng của vật liệu sử dụng, cộng với sự khác nhau về giá cả thể hiện khoảng cách về địa vị giữa các gia đình rõ hơn so với trước, đặc biệt về vẻ ngoài ở phía trước nhà. Cuối cùng, việc sử dụng một số vật liệu (ví dụ cột xi măng được sử dụng thường xuyên và tường gạch) và những khoản đầu tư lớn cho việc xây dựng một ngôi nhà mới lại càng làm cho các công trình kiến trúc đứng vững và định vị hoàn cảnh xã hội - kinh tế của các hộ gia đình.

Sự xuất hiện các loại hình nhà cửa mới đã tăng cường, thậm chí kéo theo việc sử dụng các vật liệu xây dựng công nghiệp (như xi măng, gạch, thủy tinh gắn liền với các nhà hai tầng). Nó cũng kéo theo những hệ quả quan trọng trong tổ chức không gian của nhà cửa người Isan.

(Còn nữa)

Quách Thị Oanh dịch

1. Theo quan niệm này, người ta không thể ghép nguyên vật liệu của hai nhà để xây dựng một ngôi nhà mới. Ví dụ, trong trường hợp nhà đôi (*hy:an fe:t*), mỗi phần nhà có một mái có 2 sườn dốc và có một cột ma, người ta chỉ có thể sử dụng lại vật liệu của cùng một phần để dựng một ngôi nhà. Để giải thích quy tắc này, một thông tin viên nói: “Những bộ phận của hai cơ thể khác nhau không thể tạo thành một cơ thể duy nhất”.

(*) Trích dịch từ *Habitations et habitat de l'Asie du Sud - Est continentale (Nhà cửa và điều kiện cư trú ở Đông Nam Á lục địa)*. Chủ biên: Jacqueline Matras - Guin và Christian Taillard. Nxb. Harmanttan, Paris, 1992, tr. 149- 175.